

## LO LẮNG – BUỒN CHÁN

### MẪU CÂU

*It's a worry to me whether I can pass the interview*

Tôi rất lo không biết tôi có thể vượt qua vòng phỏng vấn không

*I'm afraid I will fail in this exam*

Tôi lo mình không thi đậu đợt này

*I'm afraid I'll miss the train if I leave home late*

Tôi sợ rằng đi muộn sẽ không kịp tàu

*I'm afraid it is not as easy as you have expected*

Sợ rằng chuyện này không dễ dàng như anh nghĩ đâu

*I really don't know what to do*

Thật không biết phải làm thế nào mới phải

*What if he doesn't agree?*

Nếu anh ấy không chấp thuận, chúng ta phải làm thế nào?

*I have stage fright*

Tôi thấy hơi hồi hộp

*I'm a bit nervous*

Tôi hơi căng thẳng

*It makes me worried*

Điều đó khiến tôi lo lắng

*I'm rather apprehensive for his safety*

Tôi rất lo về sự an toàn của anh ấy

*His wound upsets out of my wits*

Vết thương của anh ấy làm tôi rất đau lòng

*I will not rest assured, for he is going there alone*

Đề mình anh ấy đi tôi thực sự không yên tâm

*I'm worried sick that she might leave me one day*

Tôi lo 1 ngày nào đó cô ấy sẽ rời xa tôi

*I'm worrying that she might not come back*

Tôi lo cô ấy không quay lại

*I'm afraid that we're going to run out of water*

Tôi lo rằng chúng ta sẽ hết nước dùng mất thôi

*Serious pollution in the seas gives us some cause for concern*

Biển bị ô nhiễm nặng khiến chúng ta lo lắng

*I'm afraid I'll be late*

E là tôi sẽ đến muộn đấy

I'm concerned about losing money.

Tôi lo bị mất tiền

It is dangerous to buy this house

Mua ngôi nhà này là rất mạo hiểm đấy

I'm afraid of living in this building.

Tôi sợ sống trong ngôi nhà đó

It gives me the creeps

Nó làm tôi hoảng sợ

What can I do about it!

Tôi có thể làm gì được đây!

How boring it is!

Chán quá!

I'm not in the mood

Tôi chẳng còn tâm trạng nào cả

I want to give it up

Tôi muốn từ bỏ

My heart is broken

Trái tim tôi như tan nát hết rồi

I'm very sad about my mistake

Tôi rất buồn về sai lầm của mình

It's not as good as I thought

Nó không tốt như tôi nghĩ

I always make mistakes. I'm so foolish

Tôi luôn mắc lỗi. Tôi thật ngốc nghếch

I'm tired of the routine work

Tôi chán công việc thường ngày

I'm really sick of waiting for a bus

Tôi thực sự chán việc đợi xe buýt

Reciting texts really bores me to death

Tôi thấy chán phải học thuộc lòng các đoạn trích

I'm fed up with this lecture

Tôi chán ngấy bài giảng này

His endless talking really turns me off

Tôi thấy chán những câu chuyện dài dòng của anh ấy

## HỘI THOẠI THỰC HÀNH

### Hội thoại 1

A : Lam, why don't you go to the movie with your brother?  
Lâm, sao con không đi xem phim cùng anh con?

B: I'm not in the mood  
Con chẳng còn tâm trạng nào cả

A: What's the matter?  
Sao thế

B: I failed the English exam again. I want to give it up  
Bài thi môn tiếng Anh của con lại không đạt yêu cầu. Con muốn bỏ môn học này

A: Don't lose heart. Try again!  
Con đừng nản, hãy cố gắng lên!

B: I'm afraid I can't catch up with my classmates  
Chắc là con không theo kịp các bạn cùng lớp

A: Come on! I know you can make it  
Cố lên! Mẹ biết con có thể làm được mà

### ***Hội thoại 2***

A: Hi, Khai. You look blue today. Is there anything the matter?  
Chào Khải, trông anh rất buồn. Có chuyện gì vậy?

B: Dung and I broke up. My heart is broken  
Tôi và Dung chia tay rồi. Trái tim tôi như tan nát hết rồi

A: Take it easy  
Anh hãy bình tĩnh nào

B: I'm afraid I can't  
E là tôi không thể làm được

A: Let's think that she's not yours  
Hãy cứ nghĩ cô ấy không phải dành cho anh đi

B: But I love her so much  
Nhưng tôi rất yêu cô ấy

A: Don't be so bad. You'll be OK. Let bygones be bygones  
Đừng có buồn như vậy, anh sẽ ổn thôi. Hãy để quá khứ trôi vào quên lãng đi.

### ***Hội thoại 3***

A: Huong, how about your new house?  
Chị Hương này, nhà mới của chị thế nào?

B: It's not as good as I thought  
Nó không tốt như tôi nghĩ

A: Really? Isn't it a beautiful house?  
Thật không? Lẽ nào đó không phải là ngôi nhà đẹp sao?

B: Yes, it is. But there's a small airport nearby. Sometimes it's very noisy  
Nó rất đẹp, nhưng ở gần đó có 1 sân bay nhỏ, vì vậy có lúc rất ồn

A: That's too bad. But it's quite most of the time, isn't it?  
Thế thì tệ thật. Nhưng hầu hết thời gian đều yên tĩnh đúng không?

B: Yes. But I'm worried the plane may fall on my house one day  
Đúng, nhưng tôi lo có ngày máy bay sẽ rơi vào nhà tôi

A: It's almost impossible. There's no need to worry about it  
Chuyện này không thể xảy ra được. Chị không cần phải lo như thế